

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Số: 22/2022/QĐST- HNGĐ**

*Đ, ngày 12 tháng 01 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 649/2021/TLST/HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M** - Sinh năm 1987; Trú tại: Thôn Th, xã B, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Gi** - Sinh năm 1984; Trú tại: Thôn Th, xã B, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55,57,59,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07 (bảy)** ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn Gi

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Anh Gi, chị M có 02 con chung là Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 03/02/2008 và Nguyễn Thị Lệ Q, sinh ngày 29/8/2011. Khi ly hôn, chị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Mạnh Q, anh Gi trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Lệ Q cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Gi, chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

- **Về tài sản chung vợ chồng:** anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí ly hôn sơ thẩm:** 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng chị M tự nguyện chịu cả nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp biên lai thu số AA/2020/0046107 ngày 30.12.2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Chị M được trả lại số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- UBND xã B (Số ĐKKH: 106/2006).
- Lưu hồ sơ

### THẨM PHÁN

*Trần Trung Trực*